TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2018/LĐ - ST
Ngày 27/11/2018
V/v Tranh chấp Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm Thất nghiệp và Tiền lương

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: **Lê Văn Đường**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: **Bùi Diệu Huệ**

2. Bà: **Trần Thị Thiếu Liên**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông: **Trương Công Vũ** - Là Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông: **Huỳnh Đức Nhã** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại: Trụ sở - Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2018/TLST - LĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 về "Tranh chấp Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm Thất nghiệp và Tiền lương" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2018/QĐXXST - LĐ ngày 12 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 106/2018/QĐST - LĐ ngày 02 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà: **Hà Thị T**, sinh năm: 1969

Địa chỉ: Thôn C, xã Ô, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ liên lạc: Ấp A, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (theo giấy ủy quyền ngày 29 tháng 3 năm 2018): Bà: **Phan Thị L**, sinh năm; 1962, địa chỉ: Đường T, Phường O, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

Bị đơn: **Công ty TNHH B**

Địa chỉ: Đường số B, Khu Công nghiệp L, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Có ông: **H** - Là người đại diện theo pháp luật. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Hà Thị T đã làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn và không xác định thời hạn tại Công ty TNHH B từ ngày 30 tháng 9 năm

2011. Trong thời gian làm việc tại đây, bà T đã nhận lương và các chế độ đến hết tháng 01 năm 2018. Tuy nhiên, đến tháng 02 năm 2018 thì Công ty TNHH B ngưng hoạt động, nhưng chưa giải quyết các chế độ cho bà Hà Thị T theo quy định của pháp luật nên bà đã yêu cầu Tòa án giải quyết, cụ thể:

Buộc Công ty TNHH B trả cho bà Hà Thị T tiền lương, tiền thưởng tổng cộng là 10.714.312 đồng (mười triệu bảy trăm mười bốn ngàn ba trăm mười hai đồng). Trong đó: Tiền lương tháng 02 năm 2018 là 2.755.196 đồng (hai triệu bảy trăm năm lăm ngàn một trăm chín sáu đồng), tiền lương ngừng việc tháng 10 năm 2017 là 1.696.369 đồng (một triệu sáu trăm chín sáu ngàn ba trăm sáu mươi chín đồng), tiền thưởng năm 2017 (lương tháng thứ 13) là 3.970.824 đồng (ba triệu chín trăm bảy mươi ngàn tám trăm hai mươi bốn đồng), tiền nghỉ phép năm 2017 là 2.271.923 đồng (hai triệu hai trăm bảy mốt ngàn chín trăm hai ba đồng), chốt và trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà theo quy định của pháp luật.

Theo kết quả xác minh của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thì Công ty TNHH B đăng ký hoạt động tại địa chỉ: Đường số B, Khu Công nghiệp L, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng chưa làm thủ tục giải thể hay sáp nhập theo quy định của pháp luật.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án nhân dân quận Bình Tân đã tống đạt, nhưng không được nên đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nhưng ông H không có mặt nên không thu thập được lời khai và cũng không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Tòa án nhân dân quận Bình Tân thụ lý vụ án trên là đúng thẩm quyền. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về pháp luật tố tụng:

1.1. Về quan hệ tranh chấp: Bà Hà Thị T cho rằng Công ty TNHH B chưa trả cho bà tiền lương, tiền thưởng tổng cộng là 10.714.312 đồng (mười triệu bảy trăm mười bốn ngàn ba trăm mười hai đồng) nên bà yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH B trả cho bà tiền lương, tiền thưởng chốt và trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là: "Tranh chấp Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm Thất nghiệp và Tiền lương" theo quy định tại khoản 1 Điều 32 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn (Công ty TNHH B) có trụ sở tại quận Bình Tân. Căn cứ vào khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân

sự năm 2015 thì yêu cầu và quan hệ pháp luật tranh chấp đã xác định trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Phan Thị L vắng mặt và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông H không có yêu cầu phản tố và đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt và không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có tên trên.

[2]. Về pháp luật nội dung:

2.1. Xét yêu cầu buộc Công ty TNHH B trả cho bà Hà Thị T tiền lương, tiền thưởng tổng cộng là 10.714.312 đồng (mười triệu bảy trăm mười bốn ngàn ba trăm mười hai đồng) của bà Phan Thị L. Hội đồng xét xử xét thấy, ngoài lời trình bày, bà L còn cung cấp tài liệu, chứng cứ là bảng lương (lương hàng tháng, lương nghỉ phép), tiền thưởng năm 2017 để chứng minh Công ty TNHH B chưa trả cho bà T tiền lương tháng 02 năm 2018 là 2.755.196 đồng (hai triệu bảy trăm năm lăm ngàn một trăm chín sáu đồng), tiền lương ngừng việc tháng 10 năm 2017 là 1.696.369 đồng (một triệu sáu trăm chín sáu ngàn ba trăm sáu mươi chín đồng), tiền thưởng năm 2017 (lương tháng thứ 13) là 3.970.824 đồng (ba triệu chín trăm bảy mươi ngàn tám trăm hai mươi bốn đồng), tiền nghỉ phép năm 2017 là 2.271.923 đồng (hai triệu hai trăm bảy mốt ngàn chín trăm hai ba đồng).

Ông H không phản đối về những tình tiết, sự kiện mà bà Phan Thị L đã đưa ra như đã nêu trên là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì vậy, với yêu cầu buộc Công ty TNHH B trả cho bà Hà Thị T tiền lương, tiền thưởng tổng cộng là 10.714.312 đồng (mười triệu bảy trăm mười bốn ngàn ba trăm mười hai đồng) của bà Phan Thị L. Hội đồng xét xứ xét thấy có căn cứ, phù hợp với các quy định tại khoản 3 Điều 47; Điều 90; Điều 91; Điều 95; Điều 96; khoản 1 Điều 98; Điều 103; điểm a khoản 1 Điều 111; Điều 114 và Điều 186 của Bộ luật lao động năm 2012 nên chấp nhận.

2.2. Xét yêu cầu buộc Công ty TNHH B đóng Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Thất nghiệp, chốt và trả sổ bảo hiểm cho bà Hà Thị T của bà Phan Thị L. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ, phù hợp với các quy định tại khoản 3 Điều 47 của Bộ luật lao động năm 2012; khoản 1 Điều 17; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 21; Điều 22 và Điều 122 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2014 nên chấp nhận.

2.3. Về án phí: Công ty TNHH B phải nộp án phí lao động sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Cụ thể:

10.714.312 đồng x 03% = 321.429 đồng (ba trăm hai mốt ngàn bốn trăm hai chín đồng).

Bà Hà Thị T không phải nộp án phí lao động sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2.4. Về quyền kháng cáo: Đương sự và người đại diện hợp pháp của đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 1 Điều 6; điểm c khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70; Điều 71; Điều 72; Điều 91; Điều 92; Điều 93; Điều 94; Điều 95; Điều 96; khoản 1 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 233; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 328, Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 47; Điều 90; Điều 91; Điều 95; Điều 96; khoản 1 Điều 98; Điều 103; điểm a khoản 1 Điều 111; Điều 114 và Điều 186 của Bộ luật lao động năm 2012;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 17; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 21; Điều 22 và Điều 122 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2014;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ vào khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Hà Thị T về việc buộc Công ty TNHH B trả tiền lương, tiền thưởng, chốt và trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà.

1.1. Buộc Công ty TNHH B trả cho bà Hà Thị T tiền lương, tiền thưởng tổng cộng là 10.714.312 đồng (mười triệu bảy trăm mười bốn ngàn ba trăm mười hai đồng). Trả một lần tại thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày bà Hà Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH B chưa trả cho bà T số tiền trên, thì hàng tháng Công ty TNHH B còn phải trả thêm cho bà T tiền lãi tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

1.2. Buộc Công ty TNHH B đóng tiền Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Thất nghiệp theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội để chốt và trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà Hà Thị T tại thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

1.3. Về án phí: Công ty TNHH B phải nộp 321.429 đồng (ba trăm hai mốt ngàn bốn trăm hai chín đồng) án phí lao động sơ thẩm.

Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền có trách nhiệm tổ chức thi hành bản án này theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

1.4. Về quyền kháng cáo: Đương sự và người đại diện hợp pháp của các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Bình Tân;
- Cơ quan thi hành án dân sự quận Bình Tân;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký và đóng dấu)

Lê Văn Đường